

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS Phan Quốc Thái

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index - viết tắt là GCI) được sử dụng để đánh giá năng lực cạnh tranh của 1 nền kinh tế, đồng thời cũng là số liệu tham chiếu hữu ích đối với các nhà đầu tư nước ngoài trước các lựa chọn môi trường đầu tư. Để phát triển kinh tế trong thời đại hiện nay việc các nước cần xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu quả thị trường hàng hóa, thị trường lao động... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế, từ đó tạo sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài được xác định có vai trò hết sức quan trọng.

Nghiên cứu đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số GCI của Việt Nam hiện nay là mục tiêu mà bài viết hướng tới.

Từ khóa: Năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0, chỉ số năng lực cạnh tranh, thể chế, hệ số tín nhiệm quốc gia.

Tổng quan về chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu

Năm 1979 lần đầu tiên WEF tiến hành thực hiện và xuất bản báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCR).

Trong báo cáo của Diễn đàn Kinh tế thế giới nêu khái niệm: “Năng lực cạnh tranh của một quốc gia là năng lực cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân nhằm đạt được và duy trì mức tăng trưởng cao trên cơ sở các chính sách, thể chế bền vững tương đối và các đặc trưng kinh tế khác. Năng lực cạnh tranh quốc gia (NLCTQG) phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng nguồn lực con người, tài nguyên về vốn của một quốc gia, bởi vì chính năng suất xác định mức sống bền vững thể hiện qua mức lương, tỷ suất lợi nhuận từ vốn bỏ ra, tỷ suất lợi nhuận thu được từ tài nguyên thiên nhiên. Cho đến nay, vẫn còn có sự khác biệt trong cách hiểu và luận giải khái niệm NLCTQG. Tuy nhiên, nhiều quan điểm thống nhất cho rằng, yếu tố cốt lõi của NLCTQG là năng suất, cụ thể là năng suất sử dụng các nguồn lực, các yếu tố vốn và lao động. Năng suất là

nhân tố quyết định mức sống trong dài hạn của quốc gia, là yếu tố quyết định mức thu nhập bình quân đầu người của mỗi nước.

Báo cáo này nghiên cứu và xem xét các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của các quốc gia. Thời gian đầu, báo cáo nhằm mục tiêu đưa ra các vấn đề và thúc đẩy thảo luận giữa các bên có liên quan về chiến lược và chính sách để giúp các quốc gia khắc phục các trở ngại và cải thiện năng lực cạnh tranh.

Từ năm 2005, WEF sử dụng Chỉ số GCI như một công cụ để đo lường các yếu tố kinh tế vĩ mô và vĩ mô ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh quốc gia; những điểm mạnh, điểm yếu của nền kinh tế các nước.

Từ năm 2018, WEF chính thức áp dụng phương pháp mới và công bố Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 2018 với việc đánh giá và xếp hạng chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 (GCI 4.0).

Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index - viết tắt là GCI) được sử dụng để đánh giá năng lực cạnh tranh thông qua 12 chỉ số trụ cột được phân vào 3 nhóm.

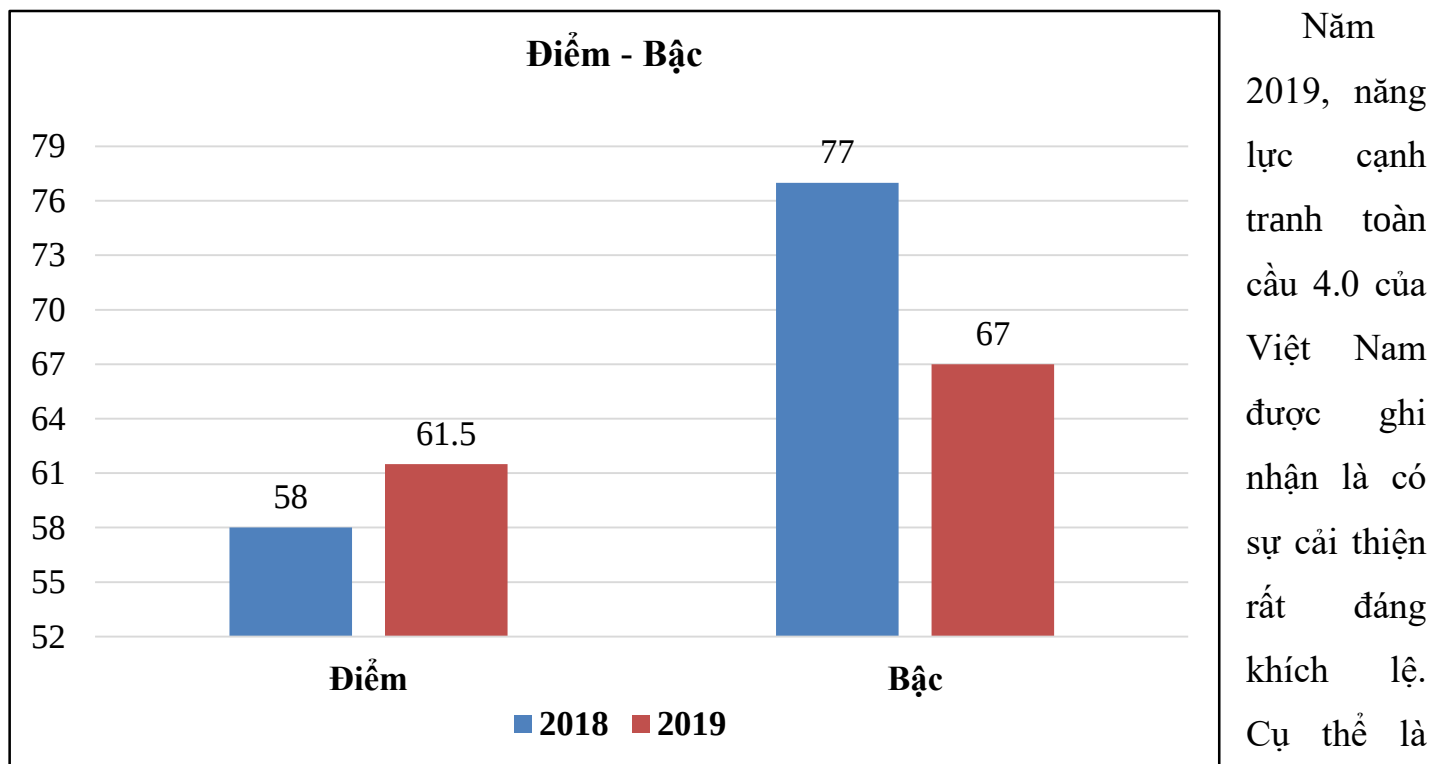
Nhóm 1 - Các chỉ số phản ánh các yêu cầu căn bản của một nền kinh tế, gồm: (1) thể chế, (2) cơ sở hạ tầng, (3) môi trường kinh tế vĩ mô, (4) y tế và giáo dục tiểu học.

Nhóm 2 - Các chỉ số để nền kinh tế phát triển theo hướng chất lượng, hiệu quả gồm: (5) giáo dục và đào tạo sau tiểu học, (6) hiệu quả thị trường hàng hóa, (7) hiệu quả thị trường lao động, (8) trình độ phát triển của thị trường tài chính; (9) sẵn sàng công nghệ và (10) quy mô thị trường.

Nhóm 3 - Các chỉ số phản ánh trình độ của doanh nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo gồm: (11) trình độ kinh doanh, (12) năng lực đổi mới sáng tạo.

Thực tiễn GCI của Việt Nam từ năm 2018 đến nay

Kể từ năm 2018, khi mà WEF chính thức áp dụng phương pháp mới và công bố Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 2018 Việt Nam đã có được sự cải thiện đáng kể ở các chỉ số cũng như vị trí trên bảng xếp hạng.

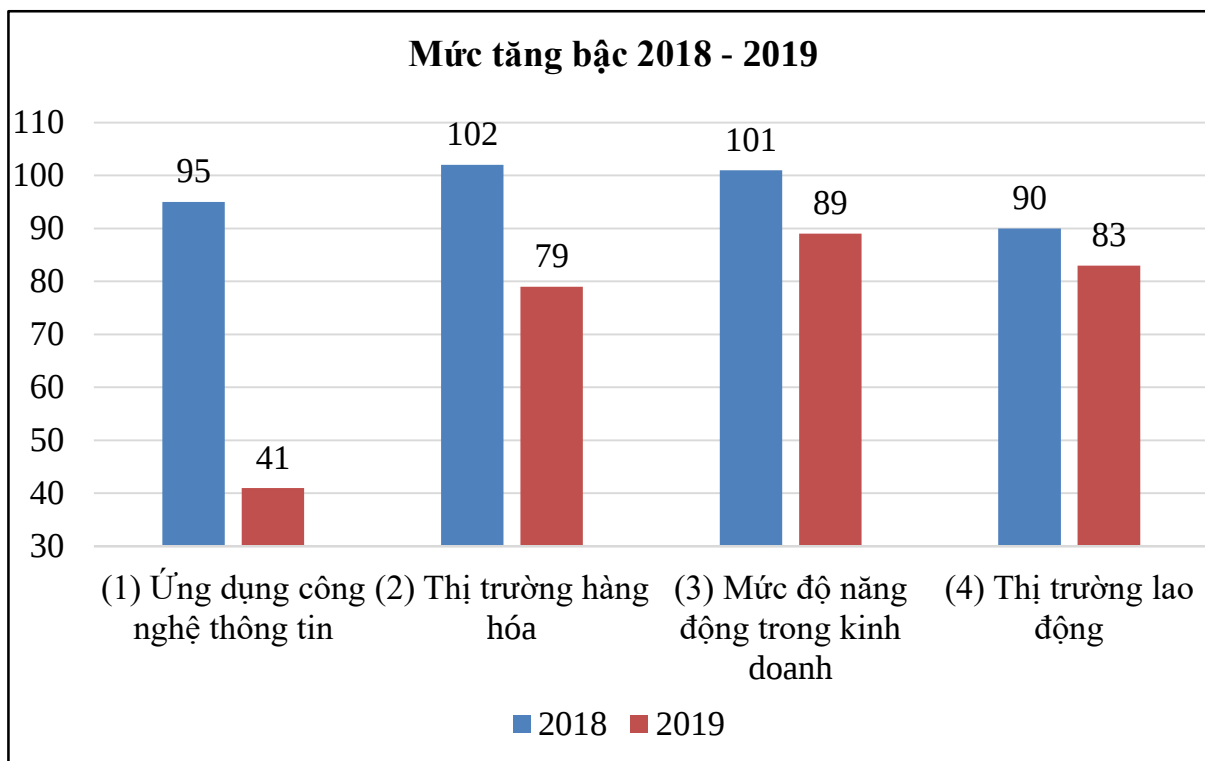


tăng 3,5 điểm (từ 58 điểm lên 61,5 điểm) cao hơn điểm trung bình toàn cầu (60,7 điểm) và tăng 10 bậc (từ vị trí 77 lên vị trí 67/141 nền kinh tế).

Đặc biệt là trong số 12 trụ cột của năng lực cạnh tranh, Diễn đàn Kinh tế Thế giới đánh giá Việt Nam đã cải thiện 8/12 trụ cột tăng điểm, tăng bậc. Thể hiện qua các số liệu như sau:

- (1) Trụ cột Ứng dụng công nghệ thông tin: tăng từ 43,3 lên 69,0 điểm và tăng vị trí từ 95 lên 41.
- (2) Trụ cột Thị trường hàng hóa: tăng 23 bậc (từ 102 lên 79) với 54 điểm.
- (3) Trụ cột Mức độ năng động trong kinh doanh: tăng 12 bậc (từ 101 lên 89) với 57 điểm.

(4) Trụ cột Thị trường lao động: tăng 7 bậc (từ 90 lên 83) với 58 điểm.



(5)

Trụ cột
Năng lực
đổi mới
sáng
tạo: tăng
6 bậc (từ
82 lên
76) với
37 điểm.

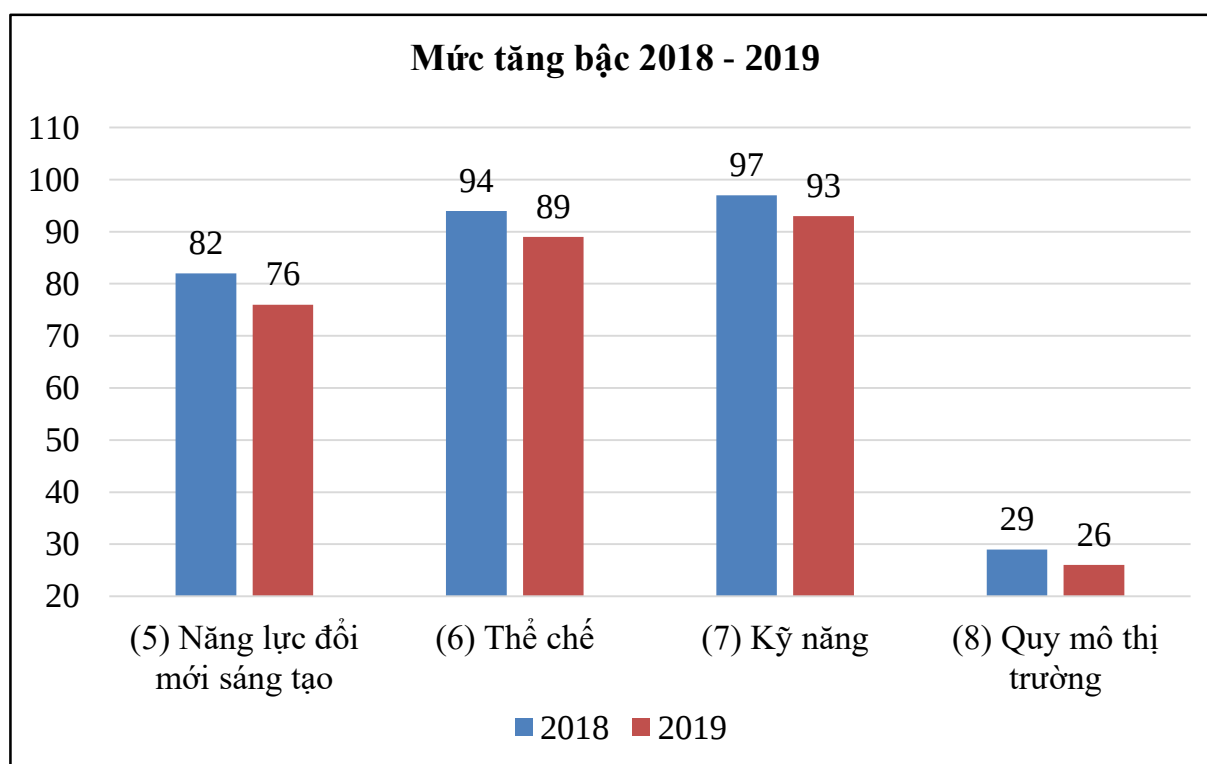
(6)

Trụ cột

Thẻ chế: tăng 5 bậc (từ 94 lên 89) với 50 điểm.

(7) Trụ cột Kỹ năng: tăng 4 bậc (từ 97 lên 93) với 57 điểm.

(8) Trụ cột Quy mô thị trường: tăng 3 bậc (từ 29 lên 26) với 72 điểm.



Nhìn

vào số liệu
cũng như
Biểu đồ có
thể thấy
các trụ cột
Ứng dụng
công nghệ
thông tin
và Thị

trường hàng hóa đã có những bước tiến đáng khích lệ trước khi dịch bệnh bùng phát.

Từ năm 2020 đến nay, các đánh giá và báo cáo xếp hạng GCI và Doing Business không được công bố chi tiết như các năm trước đây, do đại dịch COVID-19. Theo đó, một số đánh giá được tham chiếu từ kết quả của báo cáo GCI 2019 được WEF công bố ngày 08 tháng 10 năm 2019 và báo cáo Doing Business 2020 được WB công bố ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Theo các số liệu công bố thì Việt Nam có **5/12** chỉ số nằm trong top ASEAN 4, bao gồm trụ cột 2: Hạ tầng, trụ cột 3: Ứng dụng Công nghệ thông tin, trụ cột 5: Y tế, trụ cột 7: Y tế, và trụ cột 10: Quy mô thị trường. **7/12** số trụ cột còn lại thấp hơn nhóm ASEAN 4 là: trụ cột 1: Thể chế; trụ cột 4: Ổn định kinh tế vĩ mô; trụ cột 6: Kỹ năng; trụ cột 8: Thị trường lao động; trụ cột 9: Hệ thống tài chính; trụ cột 11: Mức độ năng động trong kinh doanh; trụ cột 12: Năng lực đổi mới sáng tạo.

Việt Nam không có trụ cột nào thuộc nhóm thấp, 12 trụ cột của Việt Nam được phân theo 04 nhóm từ rất tốt cho đến trung bình.

Mục tiêu Việt Nam đặt ra đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong thời gian tới

Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 theo các nghị quyết của Quốc hội, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh dịch COVID-19, Chính phủ ban hành Nghị quyết tiếp nối các Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan tập trung triển khai thực hiện. Cụ thể:

Đến năm 2025, phân đầu thứ hạng năng lực cạnh tranh như sau: Năng lực cạnh tranh 4.0 (của WEF) thuộc Nhóm 50 nước đứng đầu; Phát triển bền vững (của UN) thuộc Nhóm 40 nước đứng đầu; Năng lực đổi mới sáng tạo (của WIPO) thuộc Nhóm 40 nước đứng đầu; Chính phủ điện tử (của UN) thuộc Nhóm 60 nước đứng đầu...

Mục tiêu cụ thể năm 2022 cải thiện chất lượng, nâng cao thứ hạng các chỉ số môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh đồng bộ với cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Moody's, S&P và Fitch; về cải thiện Năng lực cạnh tranh 4.0 (GCI 4.0) theo xếp hạng của WEF: Nâng cao điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (gọi tắt là B1); nâng xếp hạng chỉ số Kiểm soát tham nhũng (B2) lên 10 bậc; nâng xếp hạng chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai (B3) lên ít nhất 1 bậc; nâng xếp hạng chỉ số Vốn hóa thị trường chứng khoán (B7) lên 2-3 bậc; nâng xếp hạng chỉ số Tăng trưởng về doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (B9) lên 2-3 bậc...

Giải pháp nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, Các mục tiêu về nâng cao, cải thiện từng hạng mục, chỉ số còn mang tính chung chung, chưa thật sự rõ ràng. Do vậy, cần phải chi tiết hóa hơn nữa, xác định rõ các chỉ số cần tập trung và ưu tiên thực hiện trong từng năm hoặc từng giai đoạn ngắn, có như vậy chúng ta mới đạt mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP (năm 2019 và 2020).

Thứ hai, Thực trạng chồng chéo trong quy định về quyền hạn, nghĩa vụ giữa các cơ quan chức năng cũng như chồng chéo trong các văn bản quy phạm pháp luật là một rào cản rất lớn tạo hạn chế trong việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh quốc gia hiện nay. Do đó cần tập trung chỉ đạo khắc phục ngay những hạn chế, vướng mắc trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị theo hướng: Xác định rõ cơ quan, đơn vị đầu mối chủ trì, phân định minh bạch, cụ thể quyền và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị đầu mối và các cơ quan, đơn vị phối hợp.

Thứ ba, Cải cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh

Các bộ, cơ quan ngang bộ cập nhật và công bố, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2018 và 2019; công khai bảng so sánh các điều kiện kinh doanh trước và sau khi bãi bỏ, đơn giản hoá; hoàn thành trong tháng 01 năm 2020. Với các thủ tục hành chính liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đơn giản hóa từ năm 2020 trở đi, thực hiện nghiêm việc công bố, công khai theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính;

nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật có liên quan để bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh được quy định tại các luật chuyên ngành theo phương án đã được phê duyệt.

Thứ tư, Tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch trung, dài hạn với mục tiêu rõ ràng, lộ trình cụ thể để tạo chuyển biến vững chắc đối với các chỉ tiêu có tính chất nền tảng nhưng khó cải thiện trong thời gian ngắn như bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nghèo đa chiều, phát triển miền núi, vùng sâu, vùng xa ...

Tóm lại, xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng trên toàn thế giới đang tạo ra những cơ hội to lớn cho Việt Nam trong thời đại ngày nay. Những biến động của nền kinh tế thế giới, sự dịch chuyển các nguồn đầu tư nước ngoài giữa các nền kinh tế cho chúng ta thấy rõ hơn ý nghĩa của chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia. Nghiên cứu để đề ra giải pháp nhằm nâng cao chỉ số này là vấn đề cấp thiết hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]Nguyễn Minh Thảo_2019_ Viện nghiên cứu kinh tế trung ương _ “Năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 của Việt Nam qua từng chỉ số” _ [http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Nang-luc-can-
h-thanh-toan-cau-40-cua-Viet-Nam-qua-tung-chi-so/377005.vgp](http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Nang-luc-can-
h-thanh-toan-cau-40-cua-Viet-Nam-qua-tung-chi-so/377005.vgp)

[2]Nghị quyết 02/NQ-CP_2020_ Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022

[3]PGS.TS. Văn Tất Thu_2021_Năng lực cạnh tranh quốc gia và các thách thức cần vượt qua_ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/05/04/nang-luc-cananh-tranh-quoc-gia-va-cac-thach-thuc-can-vuot-qua/>

[4]ThS. Chu Thị Thảo_2019_“Năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 của Việt Nam qua các tiêu chí đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới”_ http://thutuchanhchinh.vn/noidung/tintuc/lists/tintuc/view_detail.aspx?itemid=2281&zarsrc=31&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo